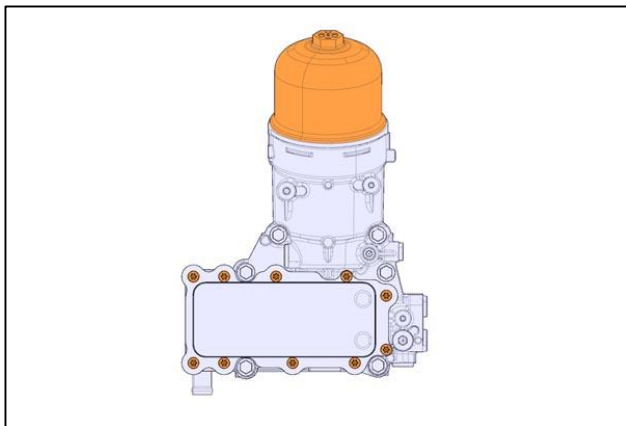


**Hệ thống bôi trơn và nhớt****Hệ thống bôi trơn và nhớt, thông số kỹ thuật****Tổng quan**

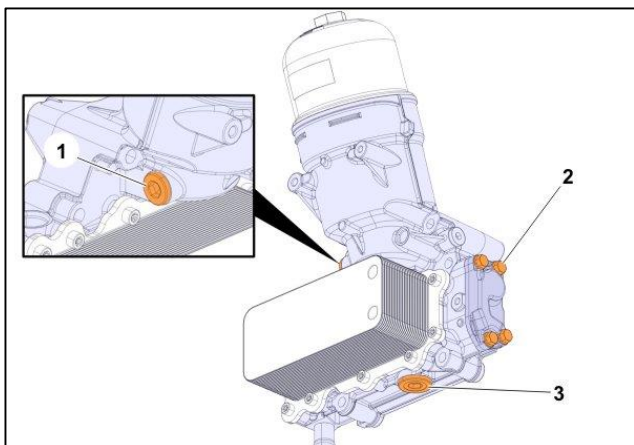
Thông số kỹ thuật		
Bơm nhớt, van an toàn, áp suất mở		1,100 ±150 kPa
Van phụ bộ lọc nhớt, áp suất mở		250 ±20 kPa
Van phụ bộ làm mát nhớt, áp suất mở		294 ±20 kPa
Lưu ý: Van phụ làm mát nhớt được áp dụng cho các động cơ không có van hằng nhiệt sáp		
Van điều chỉnh, áp suất mở		315 ±50 kPa
Van làm mát piston, áp suất mở	Có van hằng nhiệt sáp	50 kPa
	Không có van hằng nhiệt sáp	140 kPa

Bơm nhớt, áp suất

Tốc độ động cơ	Áp suất tối thiểu
700 ±50 rpm	175 kPa
Lưu ý: Tốc độ không tải	
1,200 rpm	255 kPa
1,600 rpm	295 kPa
2,200 rpm	325 kPa
Lưu ý: Tốc độ tối đa	

Cụm bộ lọc nhớt**Mô đun nhớt, lực siết**

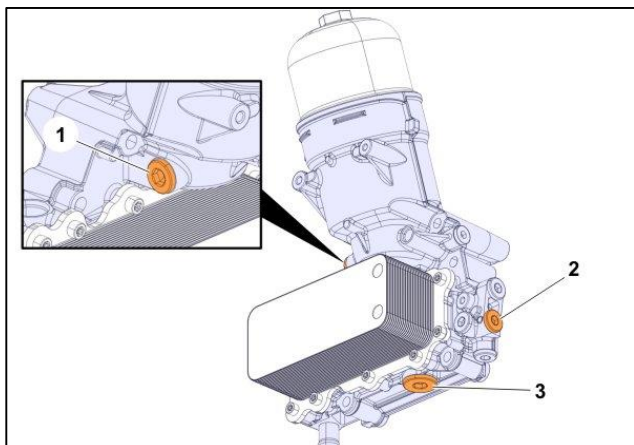
Bộ lọc nhớt, vỏ	40 ±5 Nm
Bộ làm mát nhớt, vít	12 ±1 Nm

Van vỏ bộ lọc nhớt có van hằng nhiệt sáp

1. Bộ lọc nhớt, van phụ, nút bít	29.4 ±4.9 Nm
2. Bộ hằng nhiệt, vỏ, vít	12 ±1 Nm
3. Bộ làm mát nhớt, van điều chỉnh, nút bít	39.2 ±4.9 Nm

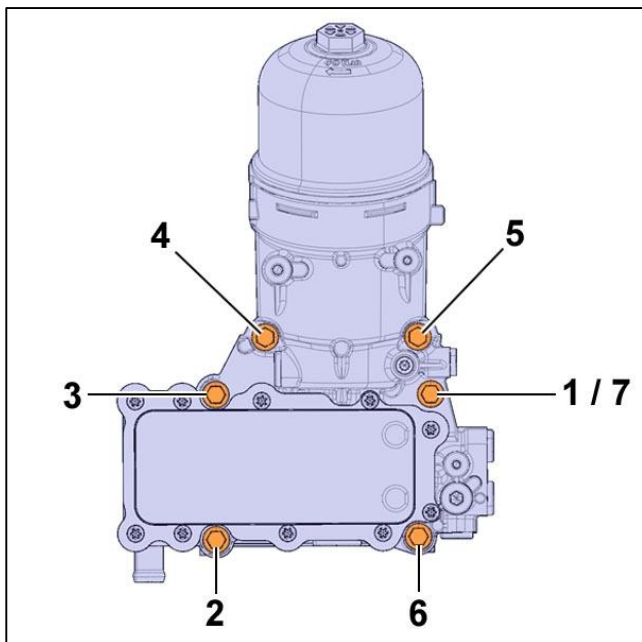


Van vỏ bộ lọc nhớt không có van hằng nhiệt sáp



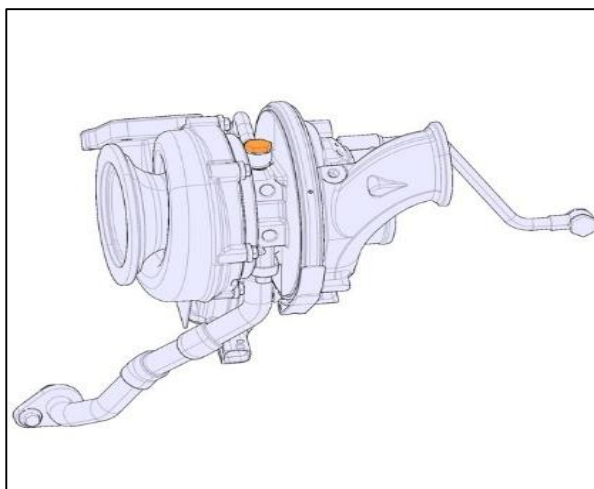
1. Bộ lọc nhớt, van phụ, nút bít	29.4 ±4.9 Nm
2. Bộ làm mát nhớt, van phụ, vít	24.5 ±4.9 Nm
3. Bộ làm mát nhớt, van điều chỉnh, nút bít	39.2 ±4.9 Nm

Vỏ bộ lọc nhớt



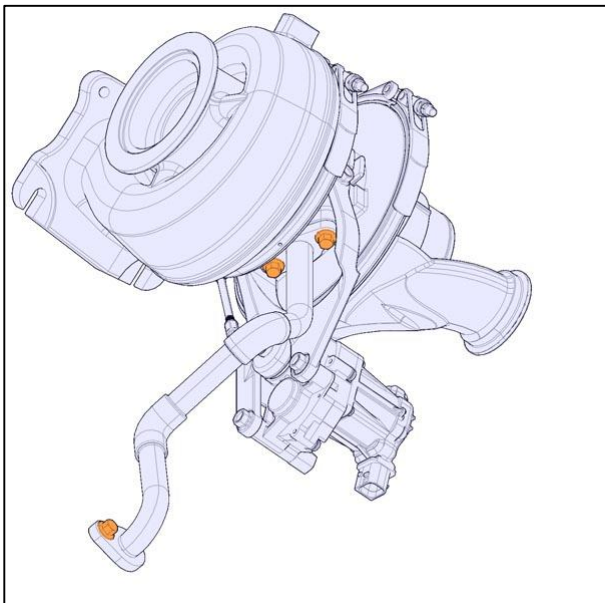
Lực siết	
Vỏ bộ lọc nhớt, vít	Trình tự siết: 1-7 48 ±8 Nm

Turbocharger, kết nối nhớt



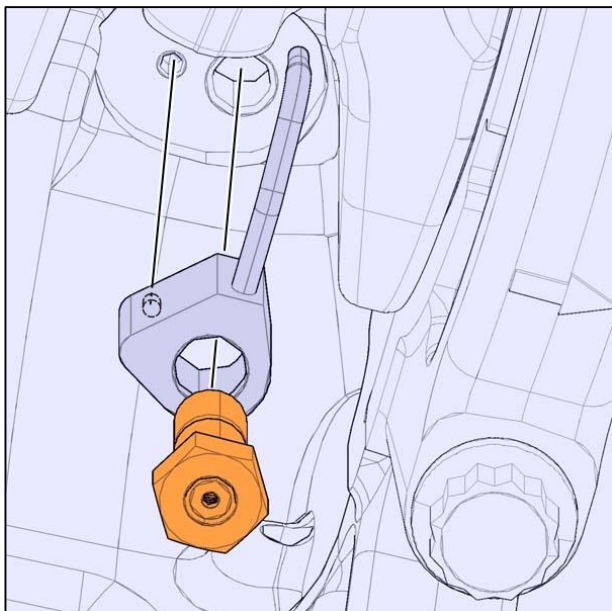


Lực siết	
Đường ống áp suất nhớt, vít	24 ±4 Nm



Lực siết	
Đường ống hồi nhớt, vít	1. 12 Nm
	2. 24 ±2 Nm

Van làm mát piston



Lực siết	
Vòi làm mát piston, van	34 ⁺⁵ ₊₀ Nm